

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Mã số thuế: **0307 821849**

Đ/c: 7/1 Ấp Bình Thọ, P.Trường Thọ, TP. Thủ Đức

Ngành nghề KD: Vận tải đường bộ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

☪ ☪ ☪ ☪ ☪ ☪ ☪ ☪

BẢNG LIỆT KÊ HỒ SƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV Năm 2021

(Niên độ: Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/12/2021)

Stt	Tên hồ sơ	Số tờ
01	Bảng cân đối kế toán	04
02	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	01
03	Lưu chuyển tiền tệ	02
04	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	17

TP. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Nơi nhận:

- Cơ quan quản lý thuế
- Đơn vị kiểm toán
- Lưu Phòng kế toán

Ngày nhận:

Viên chức phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc



PHẠM ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37,283,885,248	32,199,893,838
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8,590,754,676	7,362,067,463
1. Tiền mặt	111a		1,648,886,367	1,067,834,231
2. Tiền gửi ngân hàng	111b		6,941,868,309	6,294,233,232
3' Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26,108,243,514	21,981,053,797
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	18,078,914,184	17,478,283,036
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,287,989,145	13,038,545
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	7,400,093,020	4,489,732,216
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(658,752,835)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		390,044,872	381,506,715
1. Hàng tồn kho	141	V.5	390,044,872	381,506,715
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,194,842,186	2,475,265,863
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	2,194,842,186	2,195,245,137
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	280,020,726
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37,593,864,390 #	46,100,364,024
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		246,827,000	220,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	246,827,000	220,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36,513,713,456	34,129,365,672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	36,513,713,456	34,124,115,672
- Nguyên giá	222		93,249,721,923	86,786,318,068
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56,736,008,467)	(52,662,202,396)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	5,250,000
- Nguyên giá	228		47,250,000	47,250,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47,250,000)	(42,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	9,894,818,180
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	-	9,894,818,180
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		833,323,934 #	1,856,180,172
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6a	833,323,934	1,856,180,172
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.9	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		74,877,749,638	78,300,257,862

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		11,865,129,039	15,413,713,387
I. Nợ ngắn hạn	310		11,865,129,039	15,413,713,387
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5,089,066,800	5,094,297,859
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	751,816,248	1,382,063,620
4. Phải trả người lao động	314	V.12	1,313,695,619	1,485,174,651
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	106,266,568	21,381,214
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	848,149,945	777,567,270
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	3,000,000,000	6,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		699,133,859	653,228,773
13. Quỹ sinh hoạt HDQT, BKS	323		57,000,000	
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63,012,620,599	62,886,544,475
I. Vốn chủ sở hữu	410		63,012,620,599	62,886,544,475
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	54,950,000,000	54,950,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	8,062,620,599	7,936,544,475
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4,090,044,475	528,319,938
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3,972,576,124	7,408,224,537
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		74,877,749,638	78,300,257,862
			0	


TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021



Phạm Đông Đức
Người lập biểu



Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
INCOME STATEMENT
QUÍ 4 NĂM 2021

Đơn vị tính: VND - Unit: VND

Chỉ tiêu Items	Mã số Code	QUÍ 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26,534,545,212	30,503,221,383	103,302,334,311	90,648,262,321
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26,534,545,212	30,503,221,383	103,302,334,311	90,648,262,321
4 Giá vốn hàng bán	11	22,367,405,689	24,642,795,873	87,552,169,839	75,655,665,719
5 Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4,167,139,523	5,860,425,510	15,750,164,472	14,992,596,602
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		-	16,212,404	32,198,113
7 Chi phí tài chính	22	85,965,048	6,495,869	323,937,908	179,138,314
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	85,965,048	6,495,869	323,937,908	157,757,000
8 Chi phí bán hàng	25	30,600,000	-	30,600,000	
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3,082,555,958	2,838,508,669	11,842,531,990	8,664,505,091
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	968,018,517	3,015,420,972	3,569,306,978	6,181,151,310
11 Thu nhập khác	31	788,000,000	3,793,636,366	3,324,645,113	3,793,636,366
12 Chi phí khác	32	836,866,542	-	872,639,138	-
13 Lợi nhuận khác	40	(48,866,542)	3,793,636,366	2,452,005,975	3,793,636,366
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	919,151,975	6,809,057,338	6,021,312,953	9,974,787,676
<i>*Trong đó: thu góp vốn liên doanh được chia từ LNST</i>		-	-		
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	183,830,395	907,853,021	1,204,262,591	1,396,470,275
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	735,321,580	5,901,204,317	4,817,050,362	8,578,317,401

Lập Biểu

Phạm Đông Đức

Kế toán Trưởng

Nguyễn Hải Nhật

Tp. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2021



Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÍ 4 NĂM 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán Quý 4/2021	Cho kỳ kế toán Quý 4/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6,021,312,953	9,974,787,676
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4,073,806,071	6,426,444,372
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(3,793,636,366)
- Chi phí lãi vay	06		323,937,908	157,757,000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10,419,056,932	12,765,352,682
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4,505,921,826)	(6,005,858,971)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8,538,157)	359,836,477
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(651,489,434)	(313,179,964)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,023,259,189	(85,022,720)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		287,671,240	157,757,000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.27	(587,368,694)	(168,916,898)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		42,245,518	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			(582,864,091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6,018,914,768	5,811,589,515
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21			(15,899,520,626)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,536,363,636	3,793,636,366
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,536,363,636	(12,105,884,260)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX


Địa chỉ: 7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			Quý 4/2021	Quý 4/2020
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33			6,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,000,000,000)	(3,000,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,846,500,000)	(2,747,500,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(6,846,500,000)</i>	<i>252,500,000</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,708,778,404	(6,041,794,745)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7,362,067,463	13,403,862,208
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	9,070,845,867	7,362,067,463

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021


Phạm Đông Đức
Người lập biểu
Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng
Phạm Anh Tuấn
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2021**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Transimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 83 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 84 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi bù trừ với khoản phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước ngắn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Tiền mặt	1.648.886.367	1.067.834.231
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.941.868.309	6.294.233.232
Cộng	8.590.754.676	7.362.067.463

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
	11,903,798,716	12.414.642.848
Công ty Cổ phần Transimex	11,285,460,830	10.632.762.848
Cty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	0	1.001.000.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	618,337,886	780.880.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	6,175,115,468	5.063.640.188
Cty TNHH RI TA VÕ	405,591,900	382.140.000
Cty TNHH TM Nhân Hoàng	529,422,382	344.102.000
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	1,698,463,200	861.730.000
Các khách hàng khác	3,541,637,986	3.475.668.188
Cộng	18,078,914,184	17.478.283.036

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Các nhà cung cấp khác	1,287,989,145	13.038.545

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Cộng	1,287,989,145	13.038.545
4. Các khoản phải thu khác		
4a. Phải thu ngắn hạn khác		
	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Phải thu ngắn hạn	4,945,889,498	2.921.082.732
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	173,880,000	150.707.000
Tạm ứng	2,280,323,522	1.417.942.702
Cộng	7,400,093,020	4.489.732.216
4b. Phải thu dài hạn khác		
Các khoản ký quỹ dài hạn.		
5. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động vận tải.		
	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Chi phí dịch vụ dở dang	0	0
Nguyên nhiên liệu, vật liệu .	390,044,872	381.506.715
Cộng	390,044,872	381.506.715
6. Chi phí trả trước		
6a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Công cụ, dụng cụ	1,381,940,456	1.172.007.372
Chi phí bảo hiểm	371,894,071	519.456.607
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	441,007,659	503.781.158
Cộng	2,194,842,186	2.195.245.137
6b. Chi phí trả trước dài hạn		
	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Chi phí sửa chữa	373,553,169	313.935.948
Các chi phí trả trước dài hạn khác	459,770,765	1.542.244.224
Cộng	833,323,934	1.856.180.172

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 31/12/2020	350.000.000	340.000.000	85.830.318.068	266.000.000	86.786.318.068
Mua trong năm				-	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	9.894.818.180	-	9.894.818.180
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.431.414.325		3.431.414.325
Số dư tại ngày 31/12/2021	350.000.000	340.000.000	92.293.721.923	266.000.000	93.249.721.923

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số dư tại ngày 31/12/2020	72,916,665	143,333,331	52,183,816,238	262,136,162	52,662,202,396
Khấu hao trong năm	174,987,996	99,999,996	7,226,368,566	3,863,838	7,505,220,396
Thanh lý, nhượng bán	0	0	3,431,414,325		3,431,414,325
Số dư tại ngày 31/12/2021	247,904,661	243,333,327	55,978,770,479	266,000,000	56,736,008,467

Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 31/12/2020	277,083,335	196,666,669	33,646,501,830	3,863,838	34,124,115,672
Số dư tại ngày 31/12/2021	102,095,339	96,666,673	36,314,951,444	0	36,513,713,456

8. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số dư tại ngày 31/12/2020	47.250.000	42.000.000	5.250.000
Khấu hao trong năm	-	5.250.000	5.250.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	47.250.000	47.250.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

9. Chi phí XDCB dở dang

Chi phí mua sắm TSCĐ.

	Số dư tại ngày 31/12/2020	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số dư tại ngày 31/12/2021
Mua sắm tài sản cố định	9.894.818.180		9.894.818.180		
Cộng	9.894.818.180		9.894.818.180		

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	0	218.623.500
Công ty Cổ phần Transimex	0	213.853.500
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	5,089,066,800	4.875.674.359
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức	0	972.105.000
Cty TNHH DV TM Xăng Dầu An Thịnh Phát	955,279,170	746.448.869
CN Cty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Tân	520,838,252	211.806.320
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu	571,446,180	36.922.630
Các nhà cung cấp khác	3,041,503,198	2.908.391.540
Cộng	5,089,066,800	5.094.297.859

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư tại ngày 31/12/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2021
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-			152,565,932
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.352.796.431			573,220,053
Thuế thu nhập cá nhân	28.985.714			26,030,263
Các loại thuế khác	281.475			
Cộng	1.382.063.620			751,816,248

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa khu chế xuất 0%
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

	<u>Quý 4.2021</u>	<u>Quý 4.2020</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	919,151,975	6,809,057,338
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	919,151,975	6,809,057,338
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	919,151,975	6,809,057,338
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	183,830,395	1,361,811,468
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm⁽ⁱ⁾		408,543,440
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	183,830,395	953,268,027

(i)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương và thu nhập khác còn phải trả người lao động.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2021</u>	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2020</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	106.266.568	21.381.214
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	106.266.568	21.381.214
Cộng	106.266.568	21.381.214

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2021</u>	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2020</u>
Kinh phí công đoàn	37,384,747	78.192.747
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3,942,198	6.249.972
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	806,823,000	693.124.551

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2021	31/12/2020
Cộng	848,149,945	777.567.270

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

Khoản vay của Công ty Cổ phần Transimex- công ty mẹ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 01 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31/12/2020	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2021
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Transimex	6.000.000.000		3000.000.000	3.000.000.000
Cộng	6.000.000.000		-	3.000.000.000

15b. Vay dài hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31/12/2020	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2021
				-
Cộng				-

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số dư tại ngày 31/12/2020	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2021
Quỹ khen thưởng	250,088,773	529,875,540	80,830,454	699,133,859
Quỹ sinh hoạt HĐQT	57,000,000	228,000,000	228,000,000	57,000,000
Cộng	307,088,773	757,875,540	308,830,454	756,133,859

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	54,950,000,000	3,275,819,938	58,225,819,938
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-1,170,092,864	-1,170,092,864
Chia cổ tức trong năm trước	-	-2,747,500,000	-2,747,500,000
Lợi nhuận trong năm trước	-	8,578,317,401	8,578,317,401
Số dư tại ngày 31/12/2020	54,950,000,000	7,936,544,475	62,886,544,475
Số dư đầu năm nay	54,950,000,000	7,936,544,475	62,886,544,475
Trích quỹ KTPL nay 2021	-	529,875,540	529,875,540
Chia cổ tức trong năm nay	-	3,846,500,000	3,846,500,000
Lợi nhuận còn lại năm nay	-	3,972,576,124	3,972,576,124
Số dư tại ngày 31/12/2021	54,950,000,000	8,062,620,599	63,012,620,599

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Công ty Cổ phần Transimex	41.475.000.000	41.475.000.000
Các cổ đông khác	13.475.000.000	13.475.000.000
Cộng	54.950.000.000	54.950.000.000

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 54.950.000.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Đại Thiên Sơn	98.740.000	98.740.000	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Ý tưởng của Bạn	281.896.460	281.896.460	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Đức Hải	22.937.060	22.937.060	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Thương mại Giao nhận Vận tải Khánh Vân	267.710.000	267.710.000	Công ty đã giải thể
Cộng	671.283.520	671.283.520	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4.2021	Quý 4.2020
	26,534,545,212	30,503,221,383

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4.2021	Quý 4.2020
	22,367,405,689	24,642,795,873

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản lãi tiền gửi không kỳ hạn.

4. Chi phí tài chính

	Quý 4.2021	Quý 4.2020
Chi phí lãi vay	85.965.048	6.495.869
Chi phí tài chính khác		
Cộng	85.965.048	6.495.869

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

	<u>Quý 4.2021</u>	<u>Quý 4.2020</u>
Chi phí cho nhân viên	1,494,480,133	1,345,274,805
Chi phí đồ dùng văn phòng	423,315,515	339,593,918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43,749,999	47,687,499
Chi phí thuê văn phòng, bến bãi	705,663,000	705,663,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	18,933,267	25,730,422
Các chi phí khác	387,032,133	288,962,769
Cộng	<u>3,073,174,047</u>	<u>2,752,912,413</u>

6. Thu nhập khác

Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Quý 4.2021</u>	<u>Quý 4.2020</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	735,321,580	5,901,204,317
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	57.000.000	57.000.000
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		0
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.495.000	5.495.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>0</u>	<u>00</u>

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 4.2021</u>	<u>Quý 4.2020</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11,912,248,455	9,077,684,543
Chi phí nhân công	3,261,232,243	3,563,401,248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,832,555,100	1,577,987,210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,764,484,410	9,997,696,943
Chi phí khác	896,221,280	1,808,209,569
Cộng	<u>22,666,741,488</u>	<u>26,024,979,513</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm nay VND (năm trước VND)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần điện Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Mipeco	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco	Công ty cùng Tập đoàn

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI TRANSIMEX

Địa chỉ: 7/1 Ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc cùng ngày

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.10 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021




Phạm Đông Đức
Người lập biểu


Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng


Phạm Anh Tuấn
Giám đốc